

UBND TỈNH HÒA BÌNH  
**SỞ Y TẾ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SYT-NVY

*Hoà Bình, ngày tháng năm 2022*

V/v hướng dẫn tạm thời thực hiện  
tiêu chí thuộc lĩnh vực Y tế trong Bộ  
tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh  
Hòa Bình giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025;

Nhằm hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai, thẩm định, đánh giá kết quả thực hiện Tiêu chí Y tế thuộc Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025.

Sở Y tế ban hành Hướng dẫn tạm thời về thực hiện các Tiêu chí thuộc lĩnh vực Y tế trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025 (*nội dung hướng dẫn chi tiết thực hiện các tiêu chí ban hành kèm theo công văn này*).

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình để triển khai hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ các xã, đặc biệt ưu tiên các xã thuộc vùng khó khăn, các xã đăng ký về đích nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thực hiện các tiêu chí Y tế đảm bảo đạt yêu cầu. Riêng đối với các tiêu chí mới so với giai đoạn 2016-2020, Sở Y tế sẽ bổ sung hướng dẫn sau khi Bộ Y tế có hướng dẫn thực hiện chi tiết.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh; (để b/c)
- Sở NN&PTNT;
- Văn phòng điều phối NTM tỉnh (Chi cục PTNT);
- UBND các huyện/thành phố; (p/hợp chỉ đạo)
- GD Sở (để b/c);
- Các PGĐ Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu : VT, NVY.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quốc Tiên**

## HƯỚNG DẪN TẠM THỜI

### Thực hiện các Tiêu chí thuộc lĩnh vực Y tế trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025

(ban hành kèm theo Công văn số /SYT-NVY ngày /8/2022 của Sở Y tế)

#### 1. Tiêu chí 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ):

\* **Yêu cầu của Tiêu chí:** Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) đạt  $\geq 90\%$

##### \* Các hoạt động trọng tâm thực hiện Tiêu chí:

Hàng năm các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể của địa phương phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan triển khai tốt các hoạt động về thực hiện chính sách pháp luật về BHYT như:

- Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về BHYT trên địa bàn;

- Tích cực tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế cho người dân trên địa bàn chủ động, tích cực tham gia BHYT;

- Thường xuyên rà soát, đánh giá tỷ lệ người dân tham gia BHYT tại địa phương để có các giải pháp duy trì hoặc nâng cao tỷ lệ người dân có thẻ BHYT đảm bảo đạt yêu cầu của tiêu chí;

- Vận động, xã hội hóa, xây dựng các mô hình hỗ trợ, giúp đỡ về kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng không được ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

- Triển khai các giải pháp khác nhằm nâng cao tỷ lệ bao phủ BHYT tại địa phương tiến tới BHYT toàn dân trên địa bàn xã.

##### \* Phương pháp thẩm định, đánh giá mức đạt tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số người dân thường trú trong xã (bao gồm cả nam và nữ) có thẻ BHYT còn hiệu lực trên tổng số dân thường trú trong xã tại thời gian thẩm định.

- Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (\%)} = \frac{\text{Tổng số người có thẻ BHYT còn hiệu lực}}{\text{Tổng số dân có hộ khẩu thường trú trong xã tại thời điểm thẩm định}} \times 100$$

- Số liệu về người dân tham gia BHYT được tính bao gồm:

+ Nguồn từ cơ quan Bảo hiểm xã hội (BHXH) cấp huyện: Có văn bản xác nhận của BHXH cấp huyện về tỷ lệ người dân của xã tham gia BHYT trong thời gian thẩm định.

+ Số liệu điều tra bổ sung của UBND xã: UBND xã điều tra bổ sung những người có hộ khẩu trên địa bàn xã có thẻ BHYT (học sinh, sinh viên, quân đội, công an, thân nhân của người trong lực lượng vũ trang, công nhân các nhà máy, xí nghiệp là người địa phương đang công tác hoặc học tập ngoài địa bàn xã,...) để bổ sung thêm số người tham gia BHYT của địa phương mà ngành BHXH cấp huyện không quản lý và thống kê được. Đề nghị UBND xã lập báo cáo tổng hợp số lượng và kèm danh sách người dân được điều tra bổ sung.

*Lưu ý: Danh sách người dân có thẻ BHYT được điều tra bổ sung yêu cầu phải có các thông tin: Họ tên, ngày sinh, số thẻ BHYT, nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu, giá trị sử dụng, ngày cấp, nơi cấp thẻ BHYT.*

- Xã đạt Tiêu chí 15.1 khi có tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) đạt  $\geq 90\%$  (bao gồm số liệu của cơ quan BHYT và số liệu điều tra bổ sung của UBND xã).

## **2. Tiêu chí 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế:**

\* **Yêu cầu của Tiêu chí:** Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

\* **Các hoạt động trọng tâm thực hiện Tiêu chí:**

- Kiện toàn Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân các cấp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ đạo để tổ chức thực hiện.

- Xây dựng Kế hoạch hàng năm và theo giai đoạn để tổ chức thực hiện các Tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã của Bộ Y tế. Kế hoạch thực hiện cần giao trách nhiệm cụ thể cho các cấp, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị để thực hiện.

- Ban Chỉ đạo cấp huyện và cấp xã thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả mức đạt các Tiêu chí, đặc biệt chú trọng các tiêu chí khó thực hiện, tiêu chí có **điểm liệt** để tập trung chỉ đạo thực hiện.

- Tích cực tổ chức tuyên truyền cho các cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể và nhân dân tham gia thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

- Hoàn thiện hồ sơ, tổ chức đánh giá, thẩm định tại các cấp; trình các cấp xét, thẩm định, công nhận theo quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế và Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

**Lưu ý:** Hiện tại Bộ Y tế chưa ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn mới, vì vậy các đơn vị, địa phương vẫn tiếp tục thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 17/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020 cho đến khi Bộ Y tế ban hành Bộ tiêu chí mới thay thế.

\* **Phương pháp thẩm định, đánh giá mức đạt tiêu chí:**

- Xã được công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế là xã đã được các cấp có thẩm quyền thẩm định, xét và công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

- Việc thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế của xã được triển khai theo các hướng dẫn, quy định hiện hành của Bộ Y tế. Xã

đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế của xã và còn hiệu lực trong thời gian thẩm định.

### **3. Tiêu chí 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi):**

\* **Yêu cầu của Tiêu chí:** Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt  $\leq 24\%$

#### **\* Các hoạt động trọng tâm thực hiện Tiêu chí:**

**1) Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, lợi ích của bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, cho trẻ ăn bổ sung hợp lý và bổ sung vi chất dinh dưỡng:**

- Tăng cường truyền thông về dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời với các loại hình, phương thức, nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng nhằm thay đổi nhận thức và thực hành dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ và trẻ em thông qua các mô hình truyền thông có hiệu quả như:

- + Mô hình cải thiện thực hành nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ nhỏ (IYCF);
- + Mô hình quản lý và điều trị trẻ suy dinh dưỡng cấp tính;
- + Mô hình sản xuất tạo nguồn lương thực, thực phẩm...

- Truyền thông về dinh dưỡng trên các phương tiện thông tin đại chúng: Xây dựng các bài phát thanh phổ biến kiến thức, các hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng (SDD) bằng tiếng phổ thông và chuyển thể thành một số tiếng dân tộc thiểu số đặc trưng theo vùng về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai;

- Tổ chức chiến dịch truyền thông dinh dưỡng trong các ngày: Vi chất dinh dưỡng 1-2/6; Tuần lễ dinh dưỡng và phát triển 16-23/10; Tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ 1-7/8;

- Tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề tại các xã, các thôn/bản: Về dinh dưỡng hợp lý, dinh dưỡng liên quan đến SDD thấp còi và thừa cân/béo phì;

- Tổ chức các góc tư vấn dinh dưỡng tại các cơ sở y tế;

- Triển khai các hoạt động truyền thông tư vấn dựa vào cộng đồng như câu lạc bộ, nhóm hỗ trợ NCBSM, tư vấn tại hộ gia đình, gặp gỡ tại cộng đồng... Y tế thôn bản đến thăm hộ gia đình để hướng dẫn cho phụ nữ mang thai/bà mẹ về chăm sóc dinh dưỡng.

- Tổ chức buổi hướng dẫn thực hành dinh dưỡng, dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời lồng ghép trong các hoạt động tại các thôn bản thuộc các xã.

- Lòng ghép tư vấn, chăm sóc dinh dưỡng trong khám/quản lý thai, chăm sóc bà mẹ/trẻ em sau sinh 42 ngày tại nhà về sử dụng viên sắt/folic, vitamin A cho bà mẹ có thai, cho con bú; nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung đúng cách thông qua các hình thức: tư vấn tại trạm y tế xã; y tế thôn bản đến nhà.

## **2) Hoạt động chuyên môn kỹ thuật triển khai can thiệp dinh dưỡng:**

- Theo dõi mức tăng cân của bà mẹ mang thai trong thai kỳ.
- Theo dõi cân nặng của trẻ sơ sinh.
- Triển khai theo dõi tăng trưởng trẻ em dưới 2 tuổi và trẻ em dưới 5 tuổi SDD (sử dụng biểu đồ theo dõi tăng trưởng trẻ em) kết hợp với tư vấn chăm sóc dinh dưỡng.
  - Tổ chức cân, đo vòng cánh tay trẻ em dưới 2 tuổi (hàng quý).
  - Tổ chức cân, đo vòng cánh tay trẻ em dưới 5 tuổi SDD (hàng tháng).
  - Triển khai cân, đo chiều dài nằm/chiều cao đứng và đo vòng cánh tay trẻ dưới 5 tuổi trong toàn tỉnh (tháng 6 hàng năm).
  - Triển khai điều trị trẻ suy dinh dưỡng nặng cấp tính.
  - Tổ chức khám xác định các bệnh liên quan đến dinh dưỡng, cân - đo đánh giá tình trạng dinh dưỡng (suy dinh dưỡng và béo phì) cho trẻ em dưới 5 tuổi và tư vấn cho các bậc cha mẹ tại các trường mầm non trên địa bàn tỉnh.
- Duy trì việc theo dõi và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng.

## **3) Chăm sóc đối tượng có nguy cơ cao được bổ sung vi chất:**

- Cung cấp viên đa vi chất cho phụ nữ có thai từ khi phát hiện mang thai đến 1 tháng sau sinh ở các xã khó khăn.
- Bổ sung vitamin A cho trẻ 6-36 tháng tuổi, trẻ em dưới 6 tháng tuổi không được bú sữa mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và bà mẹ trong vòng 1 tháng sau sinh.
- Cấp phát gói bột đa vi chất cho trẻ trên 6 tháng đến 23 tháng tuổi bổ sung vào bữa bột/cháo (theo khuyến cáo của WHO).

## **4) Thực hiện các hoạt động khác về phòng chống suy dinh dưỡng:**

### **\* Phương pháp thẩm định, đánh giá mức đạt tiêu chí:**

- Trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là trẻ em dưới 5 tuổi có chiều cao theo tuổi thấp dưới trừ hai độ lệch chuẩn (-2SD) của chiều cao trung vị của quần thể tham khảo của Tổ chức Y tế Thế giới.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi là số trẻ em dưới 5 tuổi có chiều cao nhỏ hơn chiều cao trung bình của trẻ cùng nhóm tuổi ( $< -2SD$ ) tính bình quân trên 100 trẻ cùng nhóm tuổi trong thời điểm điều tra.

- Công thức tính :

Tỷ lệ % SDD thể thấp còi của trẻ < 5 tuổi	=	$\frac{\text{Tổng số trẻ <5 tuổi trong xã bị suy dinh dưỡng thể thấp còi}}{\text{Tổng số trẻ <5 tuổi trên địa bàn xã được đo chiều cao}} \times 100$
---	---	--

- UBND xã báo cáo kết quả thực hiện Tiêu chí 15.3 của đơn vị mình tính đến thời điểm thẩm định với UBND cấp huyện.

- UBND cấp huyện và Hội đồng thẩm định xã đạt Bộ TCQG nông thôn mới cấp huyện báo cáo đề nghị Sở Y tế thẩm định.

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế tuyến huyện và các đơn vị liên quan tham mưu cho Sở Y tế chấm, thẩm định Tiêu chí này.

- Sở Y tế thẩm định và báo cáo kết quả với BCD cấp tỉnh.

#### **4. Tiêu chí 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử:**

\* **Yêu cầu của Tiêu chí:** Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt  $\geq 50\%$

\* **Các hoạt động trọng tâm thực hiện Tiêu chí:** Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế, tuy nhiên hiện nay Bộ Y tế chưa ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí này. Trong thời gian chờ hướng dẫn của Bộ Y tế; trước mắt đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động triển khai một số nội dung sau:

- Các ngành liên quan và các địa phương phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế triển khai thực hiện lập hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân trong đó có dự kiến kết hợp triển khai sổ khám chữa bệnh điện tử, triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành y tế.

- Các cơ sở y tế khẩn trương triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh như: triển khai hồ sơ bệnh án điện tử; khám chữa bệnh từ xa; liên thông kết nối dữ liệu y tế trong khám, chữa bệnh;...

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tích cực tham gia lập hồ sơ sức khỏe điện tử, sử dụng các ứng dụng thuộc lĩnh vực sức khỏe trong quản lý sức khỏe và trong khám bệnh, chữa bệnh,...

- Triển khai các hoạt động khác khi có hướng dẫn của các cấp Bộ, ngành, địa phương về lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành y tế.

#### **\* Phương pháp thẩm định, đánh giá mức đạt tiêu chí:**

- Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử là tỷ lệ phần trăm (%) giữa số người dân thường trú trong xã có sử dụng ứng dụng sổ khám chữa bệnh điện tử sử dụng được khi kết nối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên tổng số dân thường trú trong xã tại thời gian thẩm định.

- Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ dân số có sổ KCB điện tử (\%)} = \frac{\text{Tổng số người có sổ KCB điện tử}}{\text{Tổng số dân có hộ khẩu thường trú trên địa bàn xã tại thời điểm thẩm định}} \times 100$$

- Số liệu về người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử được tổng hợp như sau:

+ Báo cáo thống kê của UBND xã về tỷ lệ người dân trên địa bàn xã có sổ khám chữa bệnh điện tử.

+ Nguồn số liệu từ cơ quan đơn vị triển khai phần mềm hồ sơ điện tử/sổ khám chữa bệnh điện tử cấp huyện: Có văn bản xác nhận của đơn vị triển khai phần mềm cấp huyện về tỷ lệ người dân của xã có sổ khám chữa bệnh điện tử trong thời gian thẩm định.

- Xã đạt Tiêu chí 15.4 khi có tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt  $\geq 50\%$ .

### **5. Tiêu chí 17.8. Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:**

\* **Yêu cầu của Tiêu chí:** Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt  $\geq 70\%$

#### **\* Các hoạt động trọng tâm thực hiện Tiêu chí:**

Thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tại Quyết định số 94/QĐ-ĐCT ngày 14/4/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 17.8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (*gửi kèm*).

#### **\* Phương pháp thẩm định, đánh giá mức đạt tiêu chí:**

Thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tại Quyết định số 94/QĐ-ĐCT ngày 14/4/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam về việc Ban hành Hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 17.8 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025./.